

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF
INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
SEAREFICO CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 09 năm 2026
Hochiminh City, 18 September 2026*

THÔNG BÁO

**Giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người
nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

***NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS
OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON.***

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Công ty Cổ phần Searefico.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Searefico Corporation.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch / *Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation*: Lê Tấn Phước
- Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam / *Vietnamese*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*
- Điện thoại/*Telephone:*
- Email:
- Website: <https://searefico.com/>

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Searefco / *Chairman of the Board of Directors of Searefco Corporation*.
2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng) / *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund)*:
- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person*: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Quốc tịch/*Nationality*: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.*: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Địa chỉ thường trú/*Permanent address*: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Điện thoại liên hệ/*Telephone*: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Fax: Không áp dụng / *Not applicable* Email: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company*: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*: Không áp dụng / *Not applicable*
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any)*: Không áp dụng / *Not applicable*
3. Mã chứng khoán giao dịch / *Securities code*:
Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (for covered warrants)*: SRF
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above*:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction*:
Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */*Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants **: 1.966.798 cổ phiếu/ *Shares*, tương ứng / *equivalent to* 5,53%.
6. Số lượng cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi/ *Number of shares/fund certificates/ covered warrants registered to purchase/ sale/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred/ swap*:
- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/ *Type of transaction registered (to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred/ swap*: Mua / *Buy*.

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*: 802.000 cổ phiếu/shares.
- 7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/*The expected value of transaction (which calculated based on par value)*.
Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants)*: 8.020.000.000 VNĐ/dong.
- 8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction*: 2.768.798 cổ phiếu/shares, tương ứng / *equivalent to* 7,78%.
- 9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction*: Nâng tỷ lệ nắm giữ của cá nhân / *Increase the shareholding percentage of an individual*.
- 10. Phương thức giao dịch/*Method of transaction*: Khớp lệnh trên sàn và/ hoặc thỏa thuận/*Order Matching on the Exchange and/or Agreement*.
- 11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time*: từ ngày/*from* 24/09/2026 đến ngày/*to* 23/10/2026.

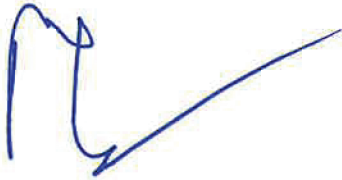
Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên/ *As above*;
- Lưu: VT/ *Archived: Office*.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal -if any)


Lê Tấn Phước